TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 27 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 / 03 /2022
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến
Các Hội thẩm nhân dân:
[1] Bà Lê Thị Thận;
[2] Ông Phạm Thành Đô;
Thư ký phiên tòa: ông Bùi Quốc Hải - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 417 /2021/ TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10 /2022/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: chị Phan Thị L; sinh năm 1993(vắng mặt)
Địa chỉ : Thôn 3 , xã M H, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: anh Mai H Nh; sinh năm 1984(vắng mặt)
Địa chỉ : Thôn 3 , xã M H, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Tôi và anh Mai H Nh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang ngày 11/7/2011, sô 087/2011 quyển số 01/2011, quá trình sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, anh Nhân thường xuyên bạo lực gia đình, nghiện rượu, ghen tuông vô cớ, nay tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Mai Khải Â, sinh ngày 09/11/ 2011; Mai Khải D, sinh ngày 19/8/2013, nguyên vọng chị Phan Thị L để cho anh Nhân nuôi con, không cấp dưỡng.
Về tài sản chung, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
Nợ chung: không có, không yêu cầu.
Bị đơn anh Mai H Nh, mặc dù tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có ly do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:
[1]Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.
[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: chị Phan Thị L có đăng ký kết hôn với anh Mai H Nh, nay chị Lan xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là " Tranh chấp ly hôn", theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Phan Thị L và anh Mai H Nh tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị L và anh Mai H Nh là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Phan Thị L và anh Mai H Nh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, anh Mai H Nh mặc dù tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có ly do.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phan Thị L được ly hôn với anh Mai H Nh.
[4] Về con chung, Mai Khải Â, sinh ngày 09/11/ 2011; Mai Khải D, sinh ngày 19/8/2013, các cháu đang ở với anh Nhân, chị không có khả năng nuôi dưỡng, không có chỗ ở sau ly hôn, vì vậy theo yêu cầu của chị Lan, cần giao các cháu cho anh Mai H Nh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.
[5]. Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.
Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.
[6]Về án phí: chị Phan Thị L nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Phan Thị L được ly hôn với anh Mai H Nh.

[2] Về con chung , giao cháu Mai Khải Â, sinh ngày 09/11/ 2011; Mai Khải D, sinh ngày 19/8/2013 cho anh Mai H Nh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[3]Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Phan Thị L nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000140 ngày 24/11/2021(đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến